

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM¹
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/KDTM-ST

Ngày 07 tháng 8 năm 2018

V/v “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Võ Thị Tiếng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thẩm phán Tòa án nhân dân
Thành phố L, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên
tòa:*** Không tham gia.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An
Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2017/TLST-KDTM, ngày 30 tháng
11 năm 2017 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo thông báo về việc thay đổi thời
gian mở phiên tòa số: 15/2018/TB-TA, ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: VAMC.

+ Địa chỉ trụ sở chính: Phường T, Quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chủ tịch Hội đồng Thành
viên VAMC.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ngân hàng

+ Địa chỉ trụ sở: Phường C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng thành
viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh Q – Giám đốc Ngân hàng. Văn
bản ủy quyền ngày 18/8/2015.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Đình Q, sinh năm 1976 - Phó Trưởng phụ
trách Phòng Khách hàng Hộ sản xuất và Cá nhân Ngân hàng. Văn bản ủy quyền ngày
27/3/2018.

+ Địa chỉ: Xã H, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1 Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1963. Vắng mặt.

2.2 Bà Trần Thị A, sinh năm 1968. Vắng mặt.

+ Cùng địa chỉ: Phường B, Thành phố L, tỉnh An Giang.

2

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Bá N, sinh năm 1939. Vắng mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947. Vắng mặt.

+ Cùng địa chỉ: Phường B, Thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Phan Đình Q đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng và ông Đỗ Thanh H có ký Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011. Theo Hợp đồng Tín dụng trên, Ngân hàng có cho ông Đỗ Thanh H vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng; lãi suất tại thời điểm vay là 19,5%/năm; Mục đích sử dụng vốn vay nuôi cá tra hàm. Phương thức trả tiền lãi hàng quý, trả gốc thực hiện theo thời hạn ghi trên từng giấy nhận nợ.

Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng Tín dụng trên, ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích 58.836 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01636 QSDĐ/cI do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 12/5/2000, theo Hợp đồng Thế chấp tài sản của bên thứ ba số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H và bên vay tiền là ông Đỗ Thanh H.

Hợp đồng thế chấp được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang chứng thực ngày 17/5/2011 và chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 17/5/2011.

Do ông H không thanh toán vốn, lãi như thỏa thuận nên Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán nợ. Ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A yêu cầu đề nghị gia hạn nợ gốc 2.000.000.000đ và lãi được thể hiện tại các văn bản ngày 11/12/2012; 11/6/2013 và 03/12/2013.

Tiếp theo, ngày 06/3/2014 Ngân hàng ban hành Thông báo gửi ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A về việc thông báo thu hồi nợ quá hạn, nhưng ông H và bà An vẫn không có thiện chí trả nợ. Sau đó, theo Biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Trần Thị A về việc xử lý nợ vay của ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A ngày 06/10/2014, bà Trần Thị A cam kết đến ngày 30/11/2014 sẽ thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi. Nếu không thực hiện như cam kết sẽ tự nguyện giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ.

Ngày 23/7/2015 Ngân hàng bán khoản nợ của ông Đỗ Thanh H theo Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011 cho VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 9160/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK. Đồng thời, Ngân hàng được VAMC ủy quyền khởi kiện theo Hợp đồng ủy quyền số 9161/2015/UQ.VAMC1-AGRIBANK, ngày 23/07/2015.

Thực hiện việc nhận ủy quyền trên, ngày 01/10/2015 Ngân hàng ban hành thông báo số 1523/NHNo-TD thông báo cho ông Đỗ Thanh H về việc Ngân hàng bán khoản nợ ông Đỗ Thanh H vay của Ngân hàng cho VAMC.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Tín dụng do ông H và bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên VAMC ủy quyền cho Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A liên đới chịu trách nhiệm trả cho VAMC vốn gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/8/2018 là 2.055.661.106 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011. Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng Thế chấp tài sản số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 để đảm bảo thi hành án.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị A, ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H, bà An, ông N và bà H vẫn vắng mặt không đến tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa, ông H, bà An, ông N và bà H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng Tín dụng. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại phường B, Thành phố L, nên Tòa án nhân dân Thành phố L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông H, bà A ông N và bà H vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Đỗ Thanh H, bà Trần Thị A, ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H

[2] Về nội dung: Ngân hàng và ông Đỗ Thanh H có ký Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011. Theo đó, Ngân hàng cho ông H vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay nuôi cá tra hồ. Để đảm bảo thực hiện Hợp đồng Tín dụng trên, ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 58.836 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01636 QSDĐ/cđ do Ủy ban huyện T cấp cho bà Nguyễn Thị H ngày 12/5/2000, theo Hợp đồng Thế chấp tài sản của bên thứ ba số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H và bên vay tiền là ông Đỗ Thanh H. Hợp đồng thế chấp được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang chứng thực ngày 17/5/2011 và chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 17/5/2011.

Ngày 23/7/2015 Ngân hàng bán khoản nợ của ông Đỗ Thanh H theo Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011 cho VAMC theo Hợp đồng mua bán nợ số 9160/2015/MBN.VAMC1-AGRIBANK. Đồng thời Ngân hàng được VAMC ủy

4

quyền khởi kiện theo Hợp đồng ủy quyền số 9161/2015/UQ.VAMC1-AGRIBANK, ngày 23/07/2015.

Sau đó, ngày 01/10/2015 Ngân hàng ban hành thông báo số 1523/NHNo-TD thông báo cho ông Đỗ Thanh H biết việc Ngân hàng đã bán khoản nợ ông Đỗ Thanh H vay của Ngân hàng cho VAMC.

Theo Biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Trần Thị A về việc xử lý nợ vay của ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A ngày 06/10/2014, bà Trần Thị A cam kết đến ngày 30/11/2014 sẽ thanh toán hết khoản nợ gốc và lãi. Nếu không thực hiện như cam kết sẽ tự nguyện giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ. Tuy nhiên, từ khi cam kết đến nay ông H và bà An vẫn không thực hiện.

Do ông H và bà An vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên VAMC ủy quyền cho Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A liên đới chịu trách nhiệm trả VAMC nợ gốc 2.000.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/8/2018 là 2.055.661.106 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ gốc theo Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011. Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng Thế chấp tài sản số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 để đảm bảo thi hành án.

[3] Qua lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa xét xử lần 2 hôm nay, ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A là bị đơn, ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do ông H, bà A, ông N và bà H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án thực hiện thủ tục thông báo kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có ấn định thời hạn cho các đương sự nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ, yêu cầu triệu tập đương sự, người tham gia tố tụng khác khi giải quyết vụ án. Nhưng hết thời hạn ấn định, ông H, bà A, ông N và bà H vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các đương sự cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu gì nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là các đương sự đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011; Hợp đồng Thế chấp tài sản của bên thứ ba số 45/HĐTC ngày 12/5/2011; Giấy nhận nợ ngày 12/6/2012; ngày 20/6/2012, ngày 26/9/2012; Thông báo thu hồi nợ quá hạn ngày 06/3/2014; Biên bản làm việc giữa bà Trần Thị A với Ngân hàng ngày 06/10/2014 và Giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi do ông H và bà A ký tên người vay ngày 11/12/2012; 11/6/2013; 03/12/2013 và Biên bản làm việc giữa Ngân hàng và bà Trần Thị A về việc xử lý nợ vay của ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A ngày 06/10/2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông H và bà An liên đới thanh toán vốn và lãi, Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011 tuy chỉ có ông Đỗ Thanh H ký kết với Ngân hàng để vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), nhưng sau đó bà Trần Thị A nhiều lần ký văn bản đề nghị gia hạn cũng như cam kết trả nợ và đồng ý xử lý tài sản thế chấp của ông N và bà H là cha mẹ của bà An để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Mặt khác, do khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà An, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 27, Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình để buộc ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A chịu trách nhiệm liên đới trả cho VAMC nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/8/2018 là 2.055.661.106 đồng. Ông H, bà A phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 08/8/2018 theo Hợp đồng Tín dụng số 45/2011/HĐTD, ngày 12/5/2011 đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Đối với Hợp đồng Thế chấp tài sản của bên thứ ba số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 giữa Ngân hàng với ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang chứng thực ngày 17/5/2011 và chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 17/5/2011 là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 53 Nghị định 83/2010/NĐ-CP, ngày 23/7/2010 của Chính phủ quy định về Đăng ký giao dịch bảo đảm, nên cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[5] Về án phí: Ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A phải liên đới chịu 112.055.661 đồng án phí.

Công ty VAMC do Ngân hàng đại diện được nhận lại 53.740.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003711, ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 30; điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 85; Điều 138 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 6; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VAMC đối với Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A.

Buộc ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A chịu trách nhiệm liên đới trả cho Công ty VAMC nợ gốc 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 07/8/2018 là 2.055.661.106 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản

nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông H, bà A vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng Thế chấp tài sản của bên thứ ba số 45/HĐTC, ngày 12/5/2011 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng với bên thế chấp là ông Trần Bá N và bà Nguyễn Thị H và bên vay tiền là ông Đỗ Thanh H để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

* Về án phí: Ông Đỗ Thanh H và bà Trần Thị A phải liên đới chịu 112.055.661 đồng án phí.

Công ty VAMC do Ngân hàng đại diện nhận lại 53.740.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003711, ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị H

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H

